FireAnt

Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (HNX: PLC)

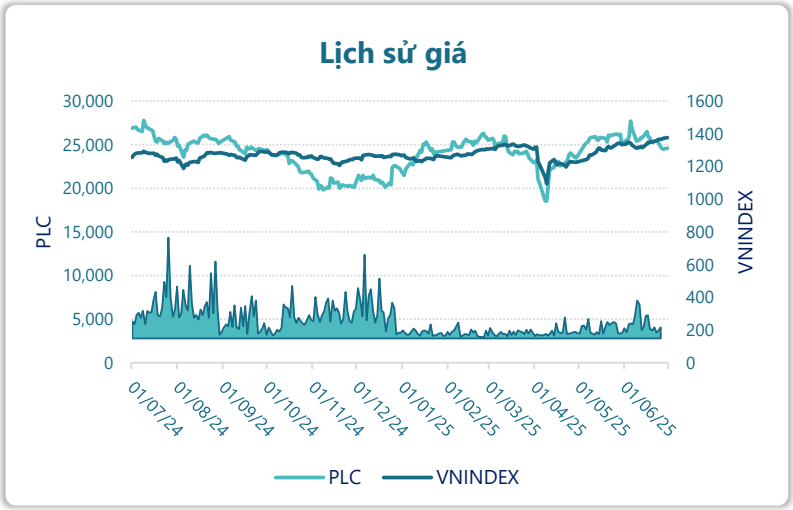

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**24,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,768
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,545
SL cổ phiếu LH	80,797,566
KLGD BQ 20 phiên (CP)	540,755
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,988
P/E	21.2
EPS	1,162

DT thuần

Q2/25

2,140

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 228| 11.9%

YoY: ▲ 399| 22.9%

LN sau thuế

Q2/25

35.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.00| 12.6%

YoY: ▲ 34.5| 3519%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

3.3%

+/- YoY: ▲ 1.5%

DT thuần

6T 2025

4,051

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 711| 21.3%

LN sau thuế

6T 2025

67.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 50.7| 311%

ROE

Q2/25

7.5%

+/- YoY: ▲ 2.7%

Kết quả kinh doanh

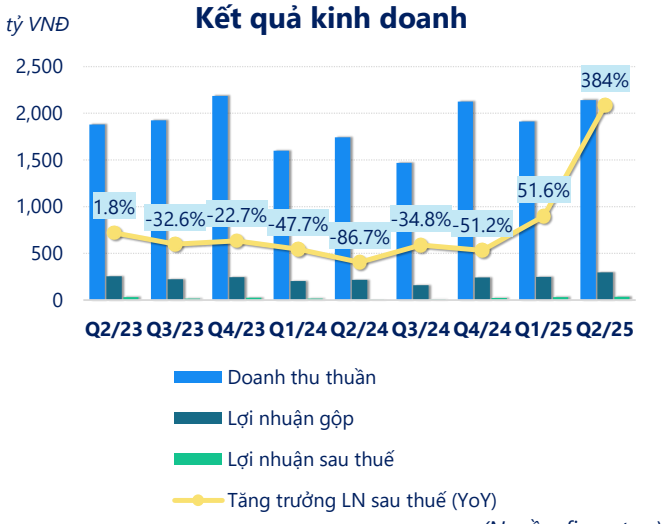

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

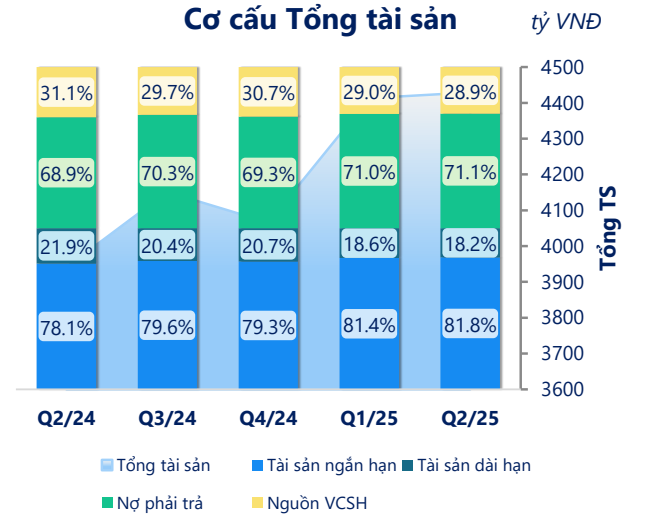

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

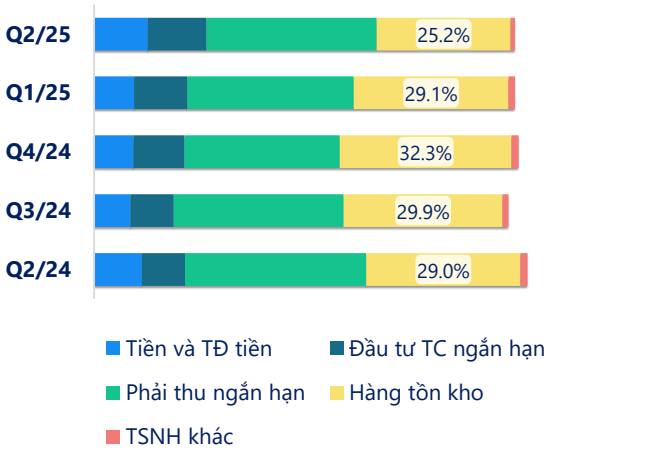

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

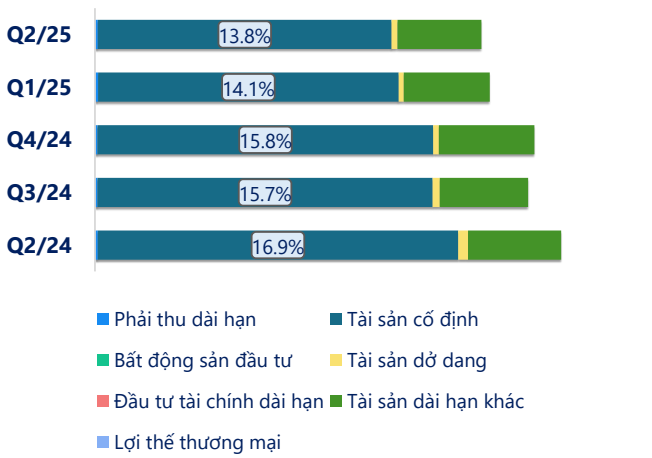

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

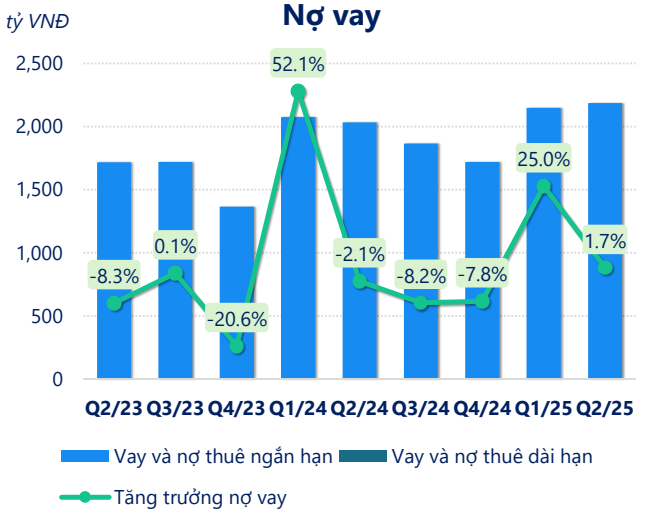

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

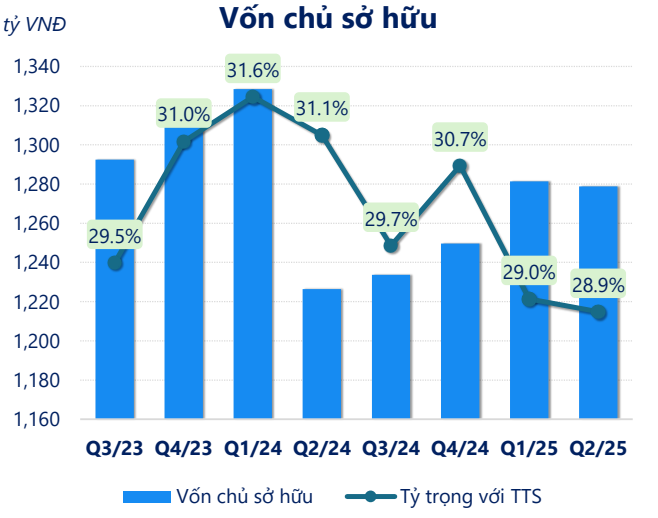

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

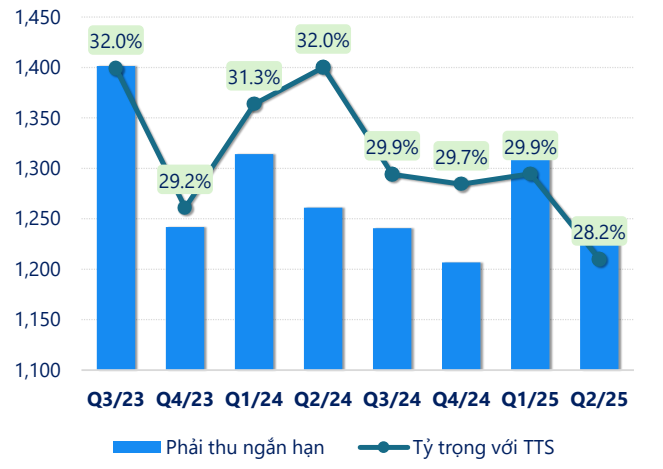

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

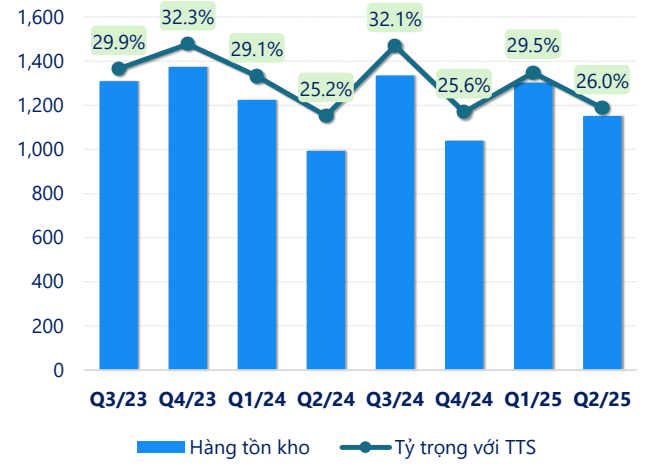

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

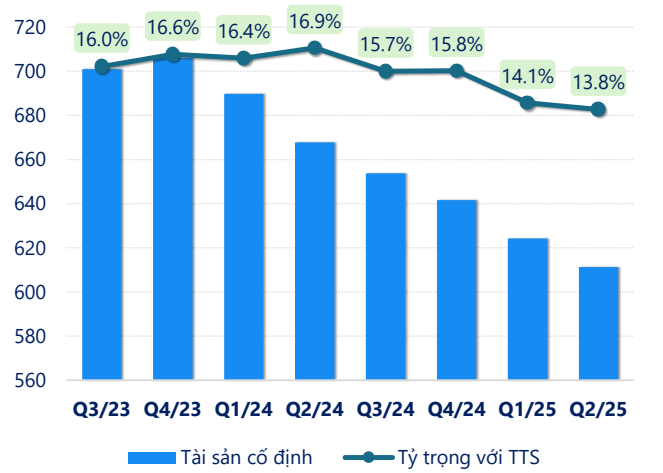

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

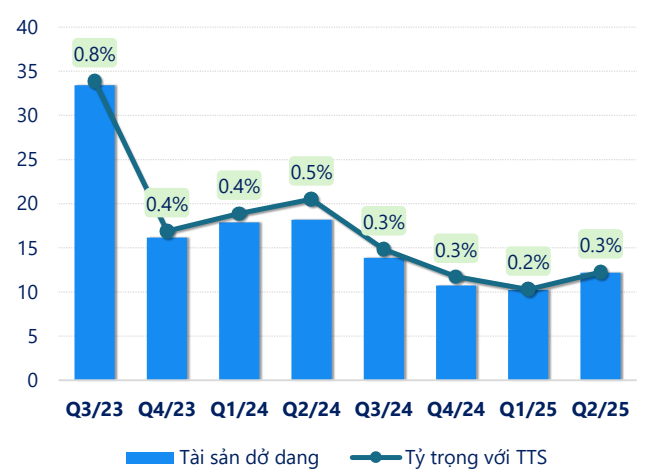

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

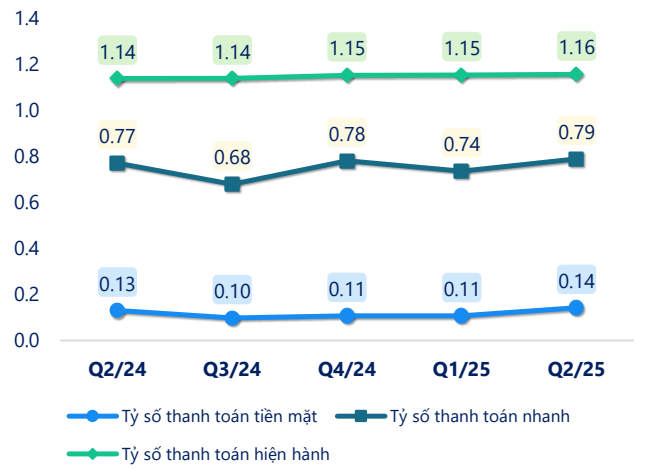

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**3,941**	**4,152**	**4,065**	**4,413**	**4,429**
Tài sản ngắn hạn	**3,077**	**3,306**	**3,225**	**3,594**	**3,625**
Tiền và tương đương tiền	353	284	301	333	446
Đầu tư tài chính ngắn hạn	437	394	644	590	747
Phải thu ngắn hạn	1,261	1,241	1,207	1,319	1,249
Hàng tồn kho	993	1,335	1,040	1,302	1,151
Tài sản ngắn hạn khác	33.0	53.0	33.7	50.2	31.6
Tài sản dài hạn	**864**	**846**	**840**	**819**	**805**
Phải thu dài hạn	5.14	5.14	5.14	6.25	6.25
Tài sản cố định	668	654	642	624	611
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	18.2	13.9	10.7	10.2	12.2
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	173	173	183	179	175
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,714**	**2,918**	**2,816**	**3,132**	**3,150**
Nợ ngắn hạn	**2,702**	**2,902**	**2,798**	**3,114**	**3,133**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,032	1,865	1,719	2,149	2,185
Phải trả người bán ngắn hạn	552	923	934	810	754
Nợ dài hạn	12.9	15.9	17.8	17.8	17.4
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,226**	**1,234**	**1,250**	**1,281**	**1,279**
Vốn chủ sở hữu	**1,226**	**1,234**	**1,250**	**1,281**	**1,279**
Vốn điều lệ	808	808	808	808	808
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)